

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HS-PT

Ngày: 30-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D đường H, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị A (chết); vợ: Dương Thị Hồng N1, sinh năm 1983; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh S là chú ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà T đã hứa trả cho bị cáo số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng mà mẹ ruột của bà T là bà Lê Thị K đã mượn của bị cáo trước đó. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 04/02/2023,

bị cáo S mang theo con dao Thái Lan để trong túi áo khoác bên phải bị cáo đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô biển số 71B4-706.17 từ Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà bà T ở ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre để đòi tiền nợ. Khi đến nhà bà T, bị cáo S gõ cửa nhà sau, được bị hại ông Phạm Hoàng P (là người sống chung như vợ chồng với bà T) ra mở cửa mời bị cáo vào nhà trên nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, giữa bị cáo S và bị hại ông P xảy ra cự cãi. Bị cáo S cho rằng bị hại ông P có lời lẽ xúc phạm bị cáo; bị hại cho rằng ông không có lời lẽ xúc phạm bị cáo như bị cáo đã khai, chính bị cáo là người nói chuyện lớn tiếng, có hành động hất ngã ghế đôn trong nhà bà T. Do nội dung việc thiếu nợ không liên quan đến bị hại ông P nên bị cáo S yêu cầu bị hại gọi bà T dậy để nói chuyện. Bị hại ông P đi ra sân, bị cáo S đi theo và đứng gần cửa nhà trước. Bị cáo S cho rằng lúc đó bị hại ông P rủ bị cáo đánh nhau, bị hại cho rằng lúc đó ông không có rủ bị cáo đánh nhau như bị cáo đã khai. Bị hại ông P nhìn vào nhà thấy bà T đã dậy nên đi vào nhà để kêu bà T ra nói chuyện với bị cáo S. Khi bị hại ông P đi đến vị trí bị cáo S đứng, bị cáo cho rằng bị hại dùng tay đánh bị cáo làm bị cáo choáng, bị hại cho rằng do bị cáo đứng che gần hết lối đi vào nhà nên ông dùng tay trái đưa lên vai trái của bị cáo đẩy bị cáo qua bên trái để đi vào nhà. Cùng lúc đó, bị cáo S dùng tay phải lấy con dao Thái Lan, cầm ngược theo hướng mũi dao hướng lên trên, di chuyển dao theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào cánh tay trái của bị hại ông P gây thương tích.

Sau khi gây thương tích cho bị hại ông P, bị cáo S lên xe bỏ đi rồi đến trụ sở Công an xã L, huyện G đầu thú. Bị hại ông P được bà T đưa đến Bệnh viện M, tỉnh Bến Tre cấp cứu, sau đó được chuyển đến Bệnh viện N2, tỉnh Bến Tre điều trị thương tích. Ngày 05/02/2023, bị hại ông P được chuyển đến Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục điều trị thương tích, ngày 08/02/2023 được xuất viện. Đến ngày 10/02/2023, bị hại ông P làm đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo S về hành vi cố ý gây thương tích.

Cơ quan điều tra tạm giữ đồ vật, tài sản của bị cáo S gồm:

- 01 (một) con dao loại dao Thái Lan dài 21,5cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 9,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm có một bề sắc, bén, trên lưỡi dao có dính chất màu nâu, mũi dao nhọn.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, vỏ màu đen, bên trong gắn sim số thuê bao 0977.404.950.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu sơn xám, biển số 71B4-706.17.

Tại Kết luận giám định số 2003/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của Phân viện Khoa

học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đối tượng giám định như sau: các vết màu nâu trên lưỡi dao và mũi dao gửi giám định là máu người, phân tích gen (AND) từ các dấu vết máu này được kiểu gen trùng với kiểu gen của Phạm Hoàng P.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 126/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 17/5/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Phạm Hoàng P là 24%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây ra.

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo về Kết luận giám định thương tích của bị hại ông P là 24%, bị cáo S không đồng ý và có đơn yêu cầu giám định lại thương tích của bị hại.

Tại Kết luận giám định lại lần thứ I tổn thương cơ thể trên người sống số 4235/KLTTCT-C09B ngày 05/7/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận lại về tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Phạm Hoàng P là 24%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/5/2024, bị cáo Nguyễn Thanh S kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của Bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm; áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 02 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 04/02/2023, tại nhà bà T ở ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng bị cáo S đã sử dụng một con dao Thái Lan sắc, nhọn là hung khí nguy hiểm đâm trúng vào cánh tay trái của bị hại ông P gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 24%.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo đã thực hiện hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 24%; phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *đã bồi thường thiệt hại cho bị hại* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo có một người con chưa thành niên* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Giữa bị cáo và bị hại không quen biết và không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhen có lời qua tiếng lại khi giao tiếp nhưng bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm mang theo sẵn trong người đâm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật 24%; bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng là dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện G,

tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thanh S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- VKSND huyện G (1b);
- Công an huyện G (1b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã Lương Hòa, huyện G (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông